

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Khúc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Hòa Đ, huyện M, tỉnh Long An (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tuấn A, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Long An (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 7 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Lê Tuấn A đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T vào ngày 03/8/2017. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận dẫn đến cự cãi, ông Tuấn A không lo làm ăn, không quan tâm gia đình, ông Tuấn A thường xuyên nhậu về kiếm chuyện và đánh bà, vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay.

Bà Mỹ D thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Tuấn A.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lê Huỳnh Tuấn P, sinh ngày: 29/6/2018, giới tính: nam. Kể từ khi cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân thì bà D là người trực tiếp nuôi con. Bà D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Huỳnh Tuấn P và yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Bị đơn ông Lê Tuấn A trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà Huỳnh Thị Mỹ D là đúng sự thật về việc tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng có phát sinh vài mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng, trước đây ông có uống rượu và có đánh bà D vài lần. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì ông đã không còn uống rượu, ông đã biết lỗi và muốn đoàn tụ gia đình.

Nay bà D nộp đơn ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương con, thương vợ; Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý để bà D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Huỳnh Tấn P, sinh ngày: 29/6/2018, giới tính: nam và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bà Huỳnh Thị Mỹ D khởi kiện ông Lê Tuấn A về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bà D, ông Tuấn A có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tình trạng hôn nhân của bà D và ông Tuấn A chưa trầm trọng vì lâu lâu ông Tuấn A mới nhậu 01 lần và có đánh bà Dung. Tuy nhiên, ông Tuấn A nhậu tại nơi ở và ông Tuấn A vẫn lo lắng, chăm sóc cho gia đình, ông đi làm về vẫn đưa tiền cho bà D chăm sóc con. Sau khi ly thân ông Tuấn A vẫn đến chăm sóc và quan tâm con. Do mâu thuẫn giữa bà D và ông Tuấn A chưa đến mức trầm trọng nên yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông Tuấn A là không có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung và cấp dưỡng: Do không chấp nhận yêu cầu của bà D ly hôn với ông Tuấn A nên yêu cầu về con chung và cấp dưỡng không xem xét.

- Về nợ chung, tài sản chung: Bà D không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tuấn A và nuôi con chung, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Lê Tuấn A trú tại ấp L, xã V, huyện T. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông Tuấn A là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi, mất lòng tin với nhau. Nguyên nhân là do trước đây ông Tuấn A có vài lần ăn nhậu và đánh bà D. Tuy nhiên, kể từ tháng 12/2021 đến nay thì ông đã không còn ăn nhậu, ông Tuấn A đi làm và gửi tiền về cho bà D chăm sóc con, đồng thời ông Tuấn A cũng thường xuyên đến trông nom, chăm sóc cháu P. Do mâu thuẫn giữa bà D và ông Tuấn A chưa đến mức trầm trọng nên yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông Tuấn A là không có căn cứ chấp nhận theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung và cấp dưỡng: Do yêu cầu ly hôn của bà D với ông Tuấn A không được chấp nhận nên không đề cập đến.

[3] Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Ông Lê Tuấn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Mỹ D với ông Lê Tuấn A.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Do yêu cầu ly hôn của bà D với ông Tuấn A không được chấp nhận nên không đề cập đến.

3. Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

4. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003259 ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Lê Tuấn A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Chí Dũng